

Số: 97 /CV-VASEP

Tp Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2021

V/v Góp ý Dự thảo Nghị định chi tiết
một số điều của Luật BVMT 2020

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phúc đáp công văn số 3634/BTNMT-TCMT ngày 2/7/2021 của Quý Bộ về góp ý cho Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Dự thảo), Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) sau khi gửi xin ý kiến Doanh nghiệp (DN) thành viên, có một số ý kiến góp ý như sau:

I. Mục a Khoản 4 Điều 25 của Dự thảo:

“Điều 25. Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường

4. Hình thức tham vấn:

a) Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử:

Trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chủ dự án bắt buộc phải đăng tải thông tin về dự án và báo cáo đánh giá tác động môi trường trên trang thông tin điện tử của cơ quan thường trực thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 6 Điều này trong thời gian ít nhất 30 ngày; có trách nhiệm tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý công khai trên trang thông tin điện tử này.”

Đề xuất: Bỏ điều khoản này.

Lý do: Việc đăng thông tin về dự án và báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết trên trang thông tin điện tử có thể gây rò rỉ thông tin dự án của nhà đầu tư. Do đó thời gian tham vấn 30 ngày quá dài gây ảnh hưởng đến tiến độ lập đánh giá tác động môi trường và tiến độ của dự án.

II. Khoản 4 Điều 38 của Dự án:

“Điều 38. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp phép môi trường

4. Quan trắc chất thải của các công trình xử lý chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm:

Trong thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải chủ dự án phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường; tần suất quan trắc chất thải sau xử lý trong quá trình vận hành thử nghiệm là 10 ngày/lần; số mẫu phải lấy tối thiểu là 03 mẫu.”

Đề xuất: Đề nghị giữ nguyên tần suất quy định trong Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ Môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Lý do: Trước đó thông tư 25/2019/TT-BTNMT qui định tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của từng công

đoạn xử lý). Việc lấy theo tần suất qui định mới gây tốn kém trong việc phát sinh chi phí lấy mẫu khi vận hành thử nghiệm. Đặc biệt đối với vùng nuôi trồng thủy sản do đặc thù có nhiều điểm xả thì việc tăng tần suất sẽ tăng chi phí lấy mẫu và phân tích mẫu lên rất nhiều. Điều này làm tăng giá thành sản xuất, giảm lợi thế cạnh tranh của Doanh nghiệp...trong khi hiện nay ngành nông nghiệp đang gặp phải rất nhiều khó khăn.

III. Khoản 2 Điều 62 của Dự thảo:

“Điều 62: Khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư

2. Khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư từ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng quy định cụ thể như sau:

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có chất dễ cháy, dễ nổ, có chất phóng xạ, chất thải phóng xạ hoặc thiết bị bức xạ, có chất độc hại đối với người và sinh vật phải tuân thủ quy định chuyên ngành;

b) Khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư từ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn và có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước được xác định theo loại hình, quy mô, công nghệ sản xuất và giải pháp kỹ thuật bảo vệ môi trường của từng dự án.”

Đề xuất: Bổ sung thêm mục c vào cuối Khoản 2, cụ thể như sau:

“c. Khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư từ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng chỉ áp dụng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng xây mới”

Lý do: Nhiều trường hợp phổ biến là khi mới xây dựng xong thì cơ sở đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư, nhưng sau một thời gian hoạt động thì dân chuyển đến dựng nhà, sinh sống ở gần cơ sở. Việc này không phải là sai lỗi của cơ sở nên nếu áp dụng quy định trên để xử phạt cơ sở là bất hợp lý.

IV. Khoản 2 Điều 88 và Khoản 1 Điều 89 của Dự thảo:

“Điều 88. Tỷ lệ tái chế, quy cách tái chế

2. Tỷ lệ tái chế thực tế (Ra) của từng loại sản phẩm, bao bì ...

Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc xác định hệ số tái sản phẩm, bao bì (D) và hệ số thu gom sản phẩm, bao bì (T) quy định tại khoản này.

Điều 89. Mức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

1. Đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam ...

Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc xác định mức chi phí tái chế (Fs) và chi phí quản lý, tổ chức tái chế (Fm) của từng loại sản phẩm?

Đề xuất: Bỏ các quy định trên và quy định cụ thể các hệ số trên ngay trong Dự thảo.

Lý do: Để các quy định được công khai, minh bạch, đúng đúng với tinh thần “quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường” như tên gọi và mục đích của Nghị định, đồng thời giúp các đối tượng thực thi dễ tìm kiếm thông tin.

V. Khoản 6 Điều 88 của Dự thảo:

“Điều 88. Tỷ lệ tái chế, quy cách tái chế

6. ... Tỷ lệ tái chế bắt buộc được điều chỉnh theo chu kỳ 03 năm một lần; trường hợp cần thiết, tỷ lệ tái chế bắt buộc có thể được điều chỉnh sớm hơn khi Hội đồng EPR quốc gia kiến nghị và được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận”

Đề xuất: Sửa đổi, bổ sung lại quy định trên như sau:

“Tỷ lệ tái chế bắt buộc được điều chỉnh theo chu kỳ 03 năm một lần. Trường hợp đặc biệt, tỷ lệ tái chế bắt buộc có thể được điều chỉnh sớm hơn khi Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất và được Chính phủ chấp thuận, nhưng không dưới 24 tháng kể từ lần điều chỉnh gần nhất, và chỉ khi có đầy đủ lý do cấp thiết để điều chỉnh sớm. Tỷ lệ điều chỉnh sẽ được thông báo cho các doanh nghiệp liên quan trước ít nhất 6 tháng và không vượt quá 5% cho mỗi lần điều chỉnh.”

Lý do: Cần hạn chế việc điều chỉnh tỷ lệ tái chế bắt buộc dưới 3 năm để doanh nghiệp có thể lên kế hoạch sản xuất kinh doanh trung hạn, tối thiểu không dưới 24 tháng và thời hạn công bố tỷ lệ tái chế bắt buộc ít nhất 6 tháng trước ngày bắt đầu áp dụng tỷ lệ tái chế bắt buộc mới để các doanh nghiệp có đủ thời gian lên dự phòng tài chính hoặc kế hoạch tái chế cho doanh nghiệp của mình trong năm tiếp theo và tỷ lệ này không nên vượt quá 5% cho mỗi lần điều chỉnh thì DN mới có đủ thời gian và kinh phí để đầu tư nguồn lực cho việc tái chế.

VI. Khoản 2 Điều 90 của Dự thảo:

“Điều 90. Đăng ký kế hoạch, báo cáo kết quả tái chế và kê khai, đóng góp tài chính cho Quỹ Bảo vệ môi trường để hỗ trợ tái chế

2. Trường hợp kế hoạch tái chế hoặc báo cáo kết quả tái chế không đạt yêu cầu, Văn phòng EPR Việt Nam thông báo nhà sản xuất, nhập khẩu hoặc bên thứ ba được ủy quyền để hoàn thiện trong thời hạn 10 ngày làm việc.”

Đề xuất: Thời hạn 10 ngày làm việc là quá ngắn để các doanh nghiệp thu thập số liệu và chỉnh sửa kế hoạch tái chế, báo cáo tái chế chưa đạt yêu cầu. Vì vậy, đề nghị tăng thời hạn quy định lên 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Văn phòng EPR Việt Nam.

VII. Khoản 3 Điều 90 của Dự thảo:

“3. Nhà sản xuất, nhập khẩu thuế doanh nghiệp kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán và xác nhận vào báo cáo kết quả tái chế trước khi nộp cho Văn phòng EPR Việt Nam.”

Đề xuất: sửa đổi, bổ sung quy định trên theo hướng cho phép doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về báo cáo kết quả tái chế. Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện hậu kiểm nếu thấy cần thiết.

Lý do: Với số lượng lớn các DN, cơ sở SX, kinh doanh, NK hiện nay của Việt Nam, chi phí mà các cơ sở phải bỏ ra để làm kiểm toán là một chi phí không nhỏ, và là khoản chi không cần thiết trong khi DN đang cần nhiều nguồn lực để đầu tư đáp ứng các quy định về

BVMT của Nghị định mới, nhất là trong bối cảnh các DN đang phải chịu nhiều chi phí ngày cao do khủng hoảng kinh tế từ dịch bệnh Covid 19. Nên để các DN, cơ sở tự chịu trách nhiệm về kết quả tái chế và cơ quan quản lý nhà nước sẽ tiến hành hậu kiểm. Nếu phát hiện DN, cơ sở vi phạm thì cơ quan quản lý nhà nước cơ quyền tiến hành xử phạt theo quy định của pháp luật.

VIII. Mục c Khoản 4 Điều 90 của Dự thảo:

“4. Việc đóng góp tài chính cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế được thực hiện như sau:

c). Nhà sản xuất, nhập khẩu có trách nhiệm nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nộp tiền của Văn phòng EPR Việt Nam”

Đề xuất: Thời hạn 15 ngày làm việc là quá ngắn để DN có thể thu xếp tài chính và thanh toán, nhất là khi có bất đồng về số tiền phải nộp. Kiến nghị tăng thời hạn lên 60 ngày làm việc.

IX. Khoản 1 Điều 91 của Dự thảo:

“Điều 91. Xử lý trường hợp không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm tái chế

1. Nhà sản xuất, nhập khẩu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm tái chế bắt buộc theo kế hoạch tái chế đã đăng ký hoặc trách nhiệm đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế thì ngoài bị xử lý vi phạm hành chính còn bị truy thu số tiền chi ra để tái chế phần tỷ lệ không đạt được, cộng thêm 30% số tiền bị truy thu và tăng 10% số tiền bị truy thu nếu tiếp tục không nộp trong kỳ tiếp theo.”

Đề xuất: sửa đổi, bổ sung lại quy định trên như sau:

“Nhà sản xuất, nhập khẩu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm tái chế bắt buộc theo kế hoạch tái chế đã đăng ký hoặc trách nhiệm đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ tái chế thì bị xử lý vi phạm hành chính, truy thu số tiền còn thiếu và lãi phát sinh do nộp chậm theo quy định hiện hành”.

Lý do: Bỏ quy định về số tiền truy thu 30% và tăng 10% trong kỳ tiếp theo vì điều này không phù hợp với thông lệ quốc tế, không phù hợp với Nghị định về xử lý vi phạm hành chính, Luật quản lý phí, lệ phí, cũng như không có trong Luật BVMT. Những vi phạm này cần bị xử phạt vi phạm hành chính và tính lãi suất nộp chậm theo quy định hiện hành.

X. Khoản 2,3, 4 Điều 91 của Dự thảo:

“2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền, nhà sản xuất, nhập khẩu bị xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm nộp số tiền truy thu vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

Đề xuất: sửa đổi, bổ sung lại quy định trên như sau:

“2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền, nhà sản xuất, nhập khẩu bị xử phạt vi phạm hành

chính quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm nộp số tiền truy thu vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

Lý do: Đề nghị thời gian để cơ sở nộp tiền về Quỹ BVMT Việt Nam là 15 ngày làm việc do trong các quy định hành chính thường là ngày làm việc để đảm bảo đủ thời gian cho các cơ sở trong thực thi (nhằm tránh ảnh hưởng của các ngày nghỉ cuối tuần, lễ tết khiến cơ sở không đủ thời gian thực hiện thủ tục hành chính).

XI. Khoản 1 Điều 92 của Dự thảo:

“ Điều 92. Hình thức thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì

1. Nhà sản xuất lựa chọn hình thức tổ chức tái chế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường có thể thực hiện tái chế bằng một trong các hình thức sau đây:

- a) Tự mình thực hiện tái chế;*
- b) Thuê đơn vị tái chế để thực hiện tái chế;*
- c) Ủy quyền toàn bộ cho bên thứ ba để tổ chức tái chế.”*

Đề xuất: Đề xuất sửa đổi Khoản 1, Điều 92 theo hướng cho phép nhà sản xuất được lựa chọn nộp 100% phí tái chế hoặc nộp một phần và thực hiện trách nhiệm tái chế với phần còn lại. Đồng thời hướng dẫn rõ trong trường hợp nhà sản xuất đang thực hiện 1 hình thức đang dở mà muốn hoặc phải chuyển qua hình thức khác hoặc kết hợp nhiều hình thức thì thực hiện thế nào.

Lý do: Trong Dự thảo chưa có quy định.

XII. Khoản 3 Điều 92 của Dự thảo:

“3. Nhà nhập khẩu chỉ được lựa chọn đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc ký kết hợp đồng với đơn vị tái chế hoặc ủy quyền cho bên thứ ba để tổ chức tái chế theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này”

Đề xuất: Nhà nhập khẩu chỉ được lựa chọn đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc ký kết hợp đồng với đơn vị tái chế hoặc ủy quyền cho bên thứ ba để tổ chức tái chế theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này để tránh tạo ra sự phân biệt đối xử giữa nhà sản xuất và nhà nhập khẩu.

XIII. Khoản 3, 4 Điều 91 và Khoản 5 Điều 92 của Dự thảo:

“Điều 91. Xử lý trường hợp không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm tái chế

3. Trường hợp quá 15 ngày kể từ ngày có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền mà nhà sản xuất, nhập khẩu không nộp số tiền truy thu về Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Văn phòng EPR Việt Nam có văn bản đề nghị cơ quan thuế hoặc cơ quan hải quan xử lý

4. Văn phòng EPR Việt Nam đề nghị cơ quan có thẩm quyền để thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính đối với nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.”

“Điều 92. Hình thức thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì

5. Biên lai thu tiền của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam hoặc hợp đồng ký với tổ chức, đơn vị quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này là căn cứ để cơ quan hải quan cho thông quan lô hàng sản phẩm, bao bì nhập khẩu; không thông quan sản phẩm, bao bì khi nhà nhập khẩu chưa nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam hoặc chưa ký kết hợp đồng với tổ chức, đơn vị quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.”

Đề xuất: Bỏ khoản 4 Điều 91, Khoản 5 Điều 92 và sửa đổi, bổ sung lại các quy định của Khoản 3 Điều 91 như sau:

3. Trường hợp quá 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền mà nhà sản xuất, nhập khẩu không nộp số tiền truy thu về Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Văn phòng EPR Việt Nam đề nghị cơ quan có thẩm quyền để thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính đối với nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này”

Lý do:

- Việc đưa sang cơ quan thuế hay hải quan để xử lý vấn đề phí môi trường là không phù hợp với chức năng nhiệm vụ của ngành thuế và hải quan, không phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, không có trong Luật BVMT và không phù hợp với thông lệ quốc tế.
- Yêu cầu phải có biên lai thu tiền của Quỹ để làm thủ tục hải quan là trái với Luật Ngoại thương, các Nghị định về XNK hàng hóa, tạo rào cản thương mại bất hợp lý.

XIV. Mục c Khoản 3 Điều 93 của Dự thảo:

“Điều 93. Điều kiện thực hiện trách nhiệm tái chế

3. Bên thứ ba được nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền tổ chức tái chế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Nghị định này phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có tư cách pháp nhân và được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Là tổ chức hoạt động không vì mục đích lợi nhuận;

c) Không trực tiếp tái chế và không có quan hệ sở hữu với bất kỳ đơn vị tái chế nào liên quan đến phạm vi được ủy quyền;

d) Được ít nhất 03 nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền tổ chức tái chế; trường hợp tổ chức tái chế bao bì thì phải được ít nhất 10 nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền.”

Đề xuất: Cần đơn giản hóa điều kiện kinh doanh và thủ tục cấp phép cho cơ sở tái chế của bên thứ 3, đồng thời Bộ TNMT cung cấp công khai hàng tháng danh sách các bên thứ 3 đạt yêu cầu để doanh nghiệp lựa chọn

Lý do:

- Việc Dự thảo đưa ra một loạt điều kiện kinh doanh và thủ tục cấp phép đối với bên thứ 3 thực hiện tái chế là đi ngược lại với chủ trương của Chính phủ cắt giảm điều kiện kinh doanh, cắt giảm giấy phép con.
- Dự thảo chưa có quy định về công bố các bên thứ 3 tái chế đủ điều kiện để các DN lựa chọn
- Một số điều kiện được quy định trong Dự thảo là bất hợp lý như “ phải được ít nhất 10 nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền”, “hoạt động phi lợi nhuận”,...

XV. Khoản 1, 2,3 Điều 97 của Dự thảo:

“Điều 97. Cung cấp thông tin về sản phẩm, bao bì

1. Nhà sản xuất, nhập khẩu được quy định tại Điều 87 và Điều 94 Nghị định này có trách nhiệm cung cấp thông tin về sản phẩm, bao bì do mình sản xuất, nhập khẩu về thành phần nguyên liệu,

vật liệu; hướng dẫn phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý sau tiêu dùng; cảnh báo rủi ro trong quá trình tái chế, tái sử dụng, xử lý sản phẩm, bao bì.

2. Thông tin quy định tại khoản 1 Điều này phải được thể hiện trên bao bì của sản phẩm hoặc hướng dẫn kèm theo sản phẩm.

3. Nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại Điều 87 Nghị định này phải sử dụng biểu tượng tái chế quốc gia trên nhãn hiệu, bao bì của sản phẩm, bao bì để người tiêu dùng nhận biết và phân loại. Biểu tượng tái chế quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường đăng ký, công bố”

Đề xuất: Đề nghị bỏ quy định tại Điều 97:

Lý do:

- Quy định này trái với quy định hiện hành về nhãn hàng hóa tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ trong đó quy định các thông tin này chỉ là tự nguyện.
- Trái với thông lệ quốc tế, tạo rào cản thương mại bất hợp lý.
- Gây khó khăn và tốn kém bất hợp lý cho doanh nghiệp khi phải thay đổi toàn bộ nhãn sản phẩm.
- Theo TCVN ISO 14021: 2017, biểu tượng tái chế là vòng Mobius. Vòng Mobius cũng là biểu tượng tái chế đã được cả thế giới công nhận và tự nguyện áp dụng rộng rãi. Do đó, chúng tôi đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sử dụng vòng Mobius làm Biểu tượng tái chế quốc gia để hài hòa với quy định của các quốc gia khác, và việc sử dụng cũng là tự nguyện.

XVI. Khoản 1, 2, 3 Điều 99 và Khoản 1, 2, 3 Điều 100 của Dự thảo:

“Điều 99. Hội đồng EPR quốc gia

1. Hội đồng EPR quốc gia là tổ chức đại diện cho nhà sản xuất, nhập khẩu có sự tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; có nhiệm vụ tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý, giám sát việc thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu theo quy định của Chương này.

2. Hội đồng EPR quốc gia gồm đại diện các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công thương; đại diện các nhà sản xuất, nhập khẩu và một số tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Chủ tịch Hội đồng EPR quốc gia là Lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường.”

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng EPR quốc gia.

Điều 100. Văn phòng EPR Việt Nam

1. Văn phòng Văn phòng EPR Việt Nam là cơ quan thường trực của Hội đồng EPR quốc gia đặt tại Bộ Tài nguyên và Môi trường; được Bộ Tài nguyên và Môi trường giao quản lý, giám sát việc thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu quy định tại Điều 87 và Điều 94 Nghị định này.

2. Văn phòng EPR Việt Nam là tổ chức của nhà sản xuất, nhập khẩu; hoạt động không vì mục đích lợi nhuận; có con dấu, tài khoản theo quy định của pháp luật chịu sự chỉ đạo, quản lý, giám sát của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức và phê duyệt quy chế hoạt động của Văn phòng EPR Việt Nam trên cơ sở đề xuất của Hội đồng EPR quốc gia.

Hội đồng EPR quốc gia quyết định kinh phí hoạt động của Văn phòng EPR Việt Nam từ số tiền do nhà sản xuất, nhập khẩu nộp vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo quy định của Chương này”.

Đề xuất:

- Đề nghị bỏ quy định coi Hội đồng EPR quốc gia là tổ chức đại diện cho nhà sản xuất, nhập khẩu trong Dự thảo.
- Bỏ quy định “ *Hội đồng EPR quốc gia quyết định kinh phí hoạt động của Văn phòng EPR Việt Nam từ số tiền do nhà sản xuất, nhập khẩu nộp vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo quy định của Chương này*”. Hoạt động của Hội đồng EPR quốc gia và Văn phòng EPR quốc gia phải sử dụng ngân sách nhà nước, chứ không phải từ quỹ doanh nghiệp nộp.

Lý do:

- Hội đồng EPR quốc gia là tổ chức đại diện cho nhà sản xuất, nhập khẩu nhưng thành phần gồm đại diện các Bộ có chức năng quản lý Nhà nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Công thương) thì không thể là đại diện cho các nhà sản xuất, nhập khẩu được, khó đảm bảo sự công bằng, minh bạch. Chủ tịch của Hội đồng EPR quốc gia lại là Lãnh đạo của Bộ quản lý chuyên ngành thì càng không phù hợp, không thể đại diện cho các nhà sản xuất, nhập khẩu.
- Dự thảo cũng chưa nêu rõ số thành viên và tiêu chí các nhà sản xuất, nhập khẩu và một số tổ chức, cá nhân khác được tham gia vào Hội đồng ERP để đảm bảo việc tham gia và đóng góp ý kiến trong Hội đồng của các thành viên đại diện cho tiếng nói, ý chí và nguyện vọng của các nhà sản xuất, nhập khẩu.
- Là nhà quản lý, đã có lương của nhà nước chi trả, nhưng các chi phí trong Hội đồng EPR quốc gia lại lấy từ quỹ của các doanh nghiệp đóng góp là không phù hợp với Luật quản lý phí, lệ phí, và gây sự nhập nhèm giữa công và tư.
- Nếu Dự thảo vẫn coi Hội đồng EPR quốc gia là tổ chức đại diện cho nhà sản xuất, nhập khẩu thì thành viên Hội đồng EPR quốc gia phải là đại diện doanh nghiệp được các nhà sản xuất, nhập khẩu, các hiệp hội đề cử và bầu chọn, không có sự tham gia của các cơ quan quản lý Nhà nước. Hội đồng hoạt động dưới sự giám sát của các thành viên, theo Quy chế tổ chức và hoạt động do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. Cần quy định lại thành phần, số thành viên cụ thể, tiêu chí các thành viên được tham gia vào Hội đồng và chỉ gồm đại diện các nhà sản xuất, nhập khẩu, đồng thời quy định lại cơ cấu hoạt động, chức năng nhiệm vụ của Hội đồng EPR quốc gia và Văn phòng EPR quốc gia cho rõ ràng, tránh nhập nhèm giữa công và tư.

XVII. Mục a, b, c Khoản 5 Điều 118 của Dự thảo:

“Điều 118. Quan trắc nước thải

5. Thời gian và tần suất quan trắc nước thải định kỳ:

a) Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này xả nước thải ra môi trường với lưu lượng xả thải dưới 5.000 m³/ngày tính theo lưu lượng xả nước thải tối đa được cấp phép trong giấy phép môi trường phải quan trắc nước thải định kỳ với tần suất quan trắc tối thiểu là 03 tháng/lần;

*b) Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này xả nước thải ra môi trường với lưu lượng xả thải từ 5.000 m³/ngày đến dưới 15.000 m³/ngày tính theo lưu lượng xả nước thải tối đa được cấp phép trong giấy phép môi trường phải quan trắc nước thải định kỳ với tần suất quan trắc tối thiểu là **02 tháng/lần**;*

c) Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này xả nước thải ra môi trường với lưu lượng xả thải từ 15.000 m³/ngày trở lên tính theo lưu lượng xả nước thải tối đa được cấp phép trong giấy phép môi trường phải quan trắc nước thải định kỳ với tần suất quan trắc tối thiểu là **01 tháng/lần**.

Đề xuất: Đối với ngành nuôi trồng thủy sản, đề nghị giữ tần suất quan trắc như quy định hiện hành là **3 tháng/lần**.

Lý do: Do đặc thù ngành nuôi trồng thủy sản có lưu lượng xả thải rất lớn, nên nếu áp dụng theo quy định trên thì hầu như các vùng nuôi đều phải thực hiện quan trắc 1 tháng 1 lần. Điều này làm tăng chi phí lấy mẫu và phân tích mẫu lên rất nhiều, nên cần có quy định riêng cho cơ sở nuôi trồng thủy sản.

XVIII. Khoản 1 Điều 197 của Dự thảo

“Điều 197. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022”

Đề xuất: bổ sung việc giãn lộ trình thực hiện nộp phí tái chế đến tháng 1/1/2025.

Lý do: các cơ sở đang gặp nhiều khó khăn về chi phí SX, KD và vốn đầu tư do tác động của dịch bệnh Covid 19. Nếu phải nộp phí tái chế ngay từ đầu năm tới thì các cơ sở càng thêm khó khăn, giá bán sản phẩm của hầu hết các ngành cũng phải tăng lên ảnh hưởng đến mức sống của người dân, chưa kể đến các cơ sở cũng đang rất khó khăn trong việc tìm nguồn vốn đầu tư nâng cấp hệ thống tái chế của cơ sở vào thời điểm dịch bệnh này.

XIX. Hạng mục 16 Mục III của Phụ lục 6 của Dự thảo

Đề xuất: bỏ ngành chế biến thủy sản ra khỏi Phụ lục 6.

Lý do: Trong Phụ lục 6, ngành chế biến thủy sản bị xếp vào Mức III của Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Trong thực tế sản xuất, ngành chế biến thủy sản không phát sinh các chất gây ô nhiễm, cụ thể là:

- a. *Về khí thải:* chỉ có một số ít nhà máy có công đoạn gia nhiệt (nhà máy đồ hộp, nhà máy sản xuất hàng chín, hàng chân như chả cá, tôm luộc, tôm bao bột,...) có sử dụng lò hơi như một số nhà máy chế biến thực phẩm khác như sản xuất bánh kẹo, sữa, cà phê hòa tan,... nhưng những nhà máy này cũng không có tên trong Phụ lục 6
- b. *Về nước thải:* QCVN 11:2015 về nước thải sản phẩm chế biến thủy sản đã nêu các chỉ tiêu đặc thù của nước thải chế biến thủy sản, theo đó không có các chỉ tiêu nước thải độc hại; các chỉ tiêu nước thải cũng chủ yếu có nguồn gốc từ cơ thịt thủy sản và các phụ gia thực phẩm, đều là những chất từ tự nhiên và ăn được đối với con người, không gây độc hại mạnh như những hóa chất dùng trong các ngành công nghiệp khác.

XX. Mục 10 Phần IV Phụ lục 7a của Dự thảo

“Phụ lục 7a. Danh mục dự án đầu tư Nhóm I có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường

IV. Dự án quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường

10. Dự án khai thác khoáng sản, tài nguyên nước; Dự án có hoạt động xả nước thải vào nguồn nước với công suất từ 3.000 m³/ngày đêm trở lên: thuộc thẩm quyền cấp giấy phép về khai thác khoáng sản, tài nguyên nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường”.

Đề xuất: Giữ nguyên theo quy định hiện tại: theo Điều 16 và Điều 28 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 23/11/2013 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước đã quy định:

- Dự án nuôi trồng thủy sản có lượng nước thải 30.000 m³/ngày đêm trở lên thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Dự án nuôi trồng thủy sản có lượng nước thải từ 10.000 m³/ngày đêm đến dưới 30.000 m³/ngày đêm thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh
- Dự án nuôi trồng thủy sản có lượng nước thải <10.000 m³/ ngày đêm thì không phải xin phép.

Lý do: Do đặc thù ngành nuôi trồng thủy sản có lưu lượng xả thải lớn, nên đề nghị có quy định riêng cho nuôi trồng thủy sản. Căn cứ theo quy định này thì gần như các vùng nuôi nhỏ lẻ cũng thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

XXI. Cột 6 Phụ lục 55 của Dự thảo về Quy cách tái chế:

Cột 6 của Phụ lục 55 về Quy cách tái chế nêu ra yêu cầu đối với các giải pháp tái chế nhất định với tỷ lệ tái chế tối thiểu quy định là từ 70% đến 90% tùy theo từng dạng vật liệu.

Đề xuất: Đề nghị sửa quy định này theo hướng:

- Làm rõ khái niệm “*tỷ lệ tối thiểu*” tại Phụ lục 55 (có liên quan đến “*tỷ lệ tái chế bắt buộc*” hay không).
- Tỷ lệ tái chế bắt buộc cần bắt đầu với tỷ lệ thấp như 40% trong 3 năm đầu tiên và có lộ trình tăng dần theo thời gian 3 năm/lần với mức tăng không quá 5% cho đến khi đạt được tỷ lệ tối thiểu quy định, đồng thời không áp dụng hình thức xử phạt hành chính đối với những tổ chức, cá nhân thực hiện tái chế thấp hơn mức đăng ký này trong 3 năm đầu tiên.

Lý do:

- Việc quy định “*tỷ lệ tối thiểu*” tại Phụ lục 55 phải cân nhắc kỹ các yếu tố như trình độ, điều kiện và cơ sở vật chất về tái chế của các tổ chức tại Việt Nam, cũng như “*tỷ lệ tối thiểu*” ở các quốc gia khác có điều kiện kinh tế tương đồng với Việt Nam, để tránh tình trạng quy định tỷ lệ quá cao và doanh nghiệp không thể tuân thủ.
- Nghị định cần đưa ra lộ trình cụ thể: đưa ra tỷ lệ tái chế bắt buộc ban đầu thấp, tăng dần mỗi 3 năm cho đến khi đạt được tỷ lệ tái chế cần thiết, và tỷ lệ này cần được tham gia ý kiến bởi các hiệp hội, ngành nghề có liên quan.
- Tỷ lệ tái chế bắt buộc cần bắt đầu với tỷ lệ thấp để DN có thời gian đầu tư công nghệ, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực thực thi,... Không thể quy định một tỷ lệ bắt buộc cao đến 70-80% ngay khi Luật/Nghị định có hiệu lực.

XXII. Phân nhóm G.1.1 và G.1.2 của Phụ lục 55 về

“Phụ lục 55 về Danh mục sản phẩm, bao bì phải được tái chế, quy cách tái chế và lộ trình thực hiện

G.1.1. Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa hỗn hợp có thành phần giấy với dung tích trên 100 ml

G.1.2. Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa bằng kim loại với dung tích trên 300 ml.”

Đề xuất: sửa đổi, bổ sung lại quy định này như sau:

“G.1.1. Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa hỗn hợp có thành phần giấy với dung tích trên 100 ml, trừ bao bì giấy bằng thùng carton, không cán nhựa”.

G.1.2. Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa bằng kim loại không bao gồm nhôm”.

Lý do: Trên thực tế, bao bì giấy bằng thùng carton, không cán nhựa, và bao bì kim loại nhôm có giá trị thương mại cao, dễ thu gom (tỷ lệ gần như 100%), ít gây độc hại, ảnh hưởng tới môi trường.

XXIII. Phụ lục 7b - Danh mục các dự án đầu tư Nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường, trừ dự án quy định tại Phụ lục 7a ban hành kèm theo Nghị định này.

Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước quy mô trung bình từ **50 ha đến dưới 100 ha** được xếp vào Nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường.

Đề nghị: Phân thêm nhóm ngành sản xuất nông nghiệp như trồng trọt và nuôi trồng thủy sản vào nhóm **ít nguy cơ** tác động xấu đến môi trường.

Lý do: Đối với đất sử dụng cho mục đích trồng trọt, nuôi trồng thủy sản thường có diện tích lớn tùy loại hình nuôi trồng nên việc áp dụng phân vào nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường là chưa phù hợp. Khi áp vào nhóm II sẽ lãng phí nguồn lực trong quản lý và kiểm soát, đồng thời người dân sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện các thủ tục quy định tại nhóm II này.

Hiệp hội trân trọng đề nghị Quý Bộ xem xét các ý kiến góp ý xây dựng nêu trên.

Trân trọng cảm ơn và kính chào ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Môi trường;
- CIEM, VCCI;
- Chủ tịch HH và các PCT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM
TỔNG THƯ KÝ HIỆP HỘI



Trương Đình Hòa